

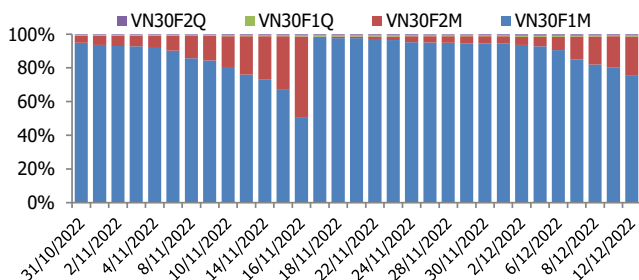
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

| MÃ | Ngày đáo hạn | Số ngày | Đóng cửa | OI |
|-----------|--------------|---------|----------|--------|
| VN30F2212 | 15/12/2022 | 3 | 1035.20 | 44,122 |
| VN30F2301 | 19/1/2023 | 38 | 1032.00 | 13,423 |
| VN30F2303 | 16/3/2023 | 94 | 1022.00 | 362 |
| VN30F2306 | 15/6/2023 | 185 | 1020.70 | 423 |

TỶ TRỌNG VỊ THẾ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



BIẾN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG TTCK THẾ GIỚI

| Chỉ số | Điểm số | %Chg | P/E | YTD |
|------------|-----------|--------|-------|---------|
| VNIndex | 1,032.07 | (1.88) | 10.80 | (31.12) |
| Dow Jones | 34,005.04 | 1.58 | 19.57 | (6.42) |
| S&P500 | 3,990.56 | 1.43 | 19.28 | (16.27) |
| Nikkei 225 | 27,976.56 | 0.48 | 18.93 | (2.83) |
| Shanghai | 3,179.04 | (0.87) | 14.27 | (12.66) |
| DAX | 14,306.63 | (0.45) | 13.36 | (9.94) |
| Vàng | 1,783.52 | 0.12 | | (2.50) |
| Dầu WTI | 73.60 | 0.59 | | (2.14) |

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

| Sự kiện | Ngày | Kỳ trước | Thực tế |
|------------------------------------|-------|----------|---------|
| Anh - Thay đổi GDP (3T/3T) | 12/12 | -0.2% | -0.3% |
| Mỹ - CPI lõi (tháng/tháng) (T11) | 13/12 | 0.3% | |
| Mỹ - Quyết định lãi suất | 14/12 | 4.00% | |
| Mỹ - Chỉ số Fed Philadelphia (T12) | 15/12 | -19.4 | |
| Châu Âu - CPI (năm/năm) (T11) | 16/12 | 10.0% | |

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

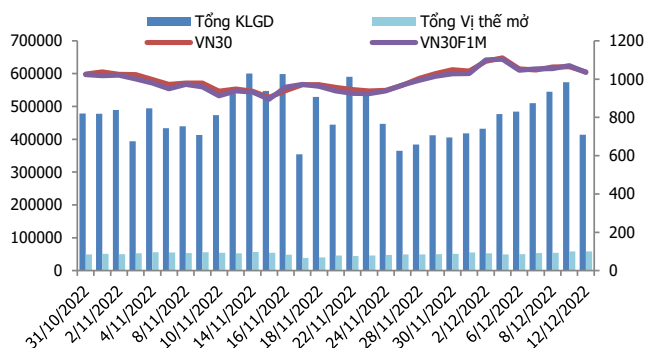
- Áp lực bán lớn từ nhóm cổ phiếu trụ xuất hiện ngay từ khi thị trường mở cửa và tiếp tục mạnh dần lên trong phiên chiều. Đóng cửa, cả 4 HĐTL giảm từ 22,3 đến 34,8 điểm, trong khi chỉ số cơ sở giảm 27,66 điểm. Basis của các HĐTL phiên này thay đổi đôi chút và ghi nhận mức từ -16,72 đến -2,22 điểm, cho thấy tâm lý của nhà đầu tư đang trong trạng thái thận trọng trước một phiên điều chỉnh mạnh.
- Thị trường trong nước để mất điểm vào cuối phiên dưới áp lực từ nhóm cổ phiếu trụ. Tuần này thị trường cũng đón nhận nhiều sự kiện quan trọng, từ cuộc họp của Fed cho tới phiên đáo hạn phái sinh và kỳ cơ cấu của các quỹ ETF. Do vậy, tâm lý nhà đầu tư thường thận trọng, thanh khoản thị trường theo đó cũng giảm so với tuần trước.
- Việc nhà đầu tư chờ đợi các sự kiện quốc tế quan trọng, cùng với diễn biến sụt giảm của thanh khoản cho thấy xu hướng ngắn hạn vẫn đang trong trạng thái giằng co. Theo đó, nên ưu tiên quan sát và chỉ nên hành động khi chạm ngưỡng kháng cự và hỗ trợ quan trọng.

NHẬN ĐỊNH TTCK THẾ GIỚI

- Chỉ số Dow Jones nhảy vọt trong phiên giao dịch ngày thứ Hai trong lúc nhà đầu tư đang dõi theo cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và số liệu lạm phát mới nhất. Chỉ số Dow Jones cộng 528,58 điểm (+1,58%) lên 34.005,04 điểm, đánh dấu lần đầu tiên chỉ số này đóng cửa trên mốc 34.000 điểm kể từ ngày 2/12. S&P 500 tăng 1,43% lên 3.990,56 điểm và Nasdaq Composite tiến 1,26% lên 11.143,74 điểm.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

| | |
|--|--|
| Chiến lược giao dịch trong ngày | Nhà đầu tư có thể xem xét rải lệnh Mua quanh khu vực 991-1000 điểm trong các pha điều chỉnh. Điểm quản trị rủi ro là mốc hỗ trợ 980 điểm, hướng đến mức giá mục tiêu 1048-1052 điểm. Chiến lược Short sẽ được kích hoạt nếu chỉ số gặp khó ở vùng kháng cự gần 1040-1042 điểm. |
| Chiến lược giao dịch ngắn hạn | Hoạt động nắm giữ vị thế qua đêm tạm thời chưa được khuyến khích. |



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

| Hợp đồng | Giá | % Chg | KLGD | % Chg | OI | % Chg |
|-------------|--------|-------|---------|--------|--------|-------|
| VN30F2212 | 1035.2 | 34.00 | 405,419 | -28.5 | 44,122 | |
| VN30F2301 | 1032.0 | 42.00 | 8,377 | 21.60 | 13,423 | |
| VN30F2303 | 1022.0 | 21.00 | 231 | -32.8 | 362 | |
| VN30F2306 | 1020.7 | 16.00 | 119 | -41.95 | 423 | |
| Tổng | | | 414,146 | -27.9 | 58,330 | |

DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Áp lực bán lớn từ nhóm cổ phiếu trụ trong phiên chiều đã khiến cả 4 HĐTL đóng cửa giảm từ 22,3 đến 34,8 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 27,87% so với phiên liền trước, đạt 414.146 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 12 với 405.419 hợp đồng. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 12 với 605 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 1.963 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2212 là 1.037,53 điểm (cao hơn 2,33 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2301 là 1.038,82 điểm (+6,82 điểm), VN30F2303 là 1.040,88 điểm (+18,88 điểm) và VN30F2306 là 1.044,23 điểm (+23,53 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

| Khung thời gian | 15m | 1h | Daily |
|-----------------|-------------|-------------|------------|
| Tổng kết | SELL | SELL | BUY |
| Hỗ trợ | 1021-1025 | 1016-1021 | 991-1000 |
| Kháng cự | 1048-1052 | 1053-1060 | 1060-1065 |

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M

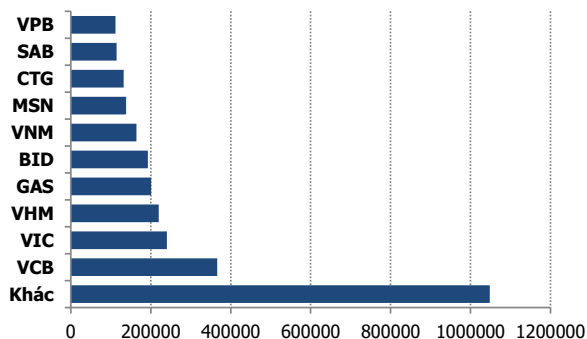


| | VNIndex | VN30 |
|-----------------------|----------|----------|
| Đóng cửa | 1032.07 | 1037.42 |
| Thay đổi | -19.74 | -27.66 |
| %Chg | -1.88 | -2.60 |
| YTD | -31.12 | -32.45 |
| Vốn hóa (ngh.tỷ đồng) | 4,119.47 | 2,928.78 |
| P/E | 10.80 | 8.89 |
| P/B | 1.65 | 1.64 |

NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nguyên nhân khiến các chỉ số chính chìm trong sắc đỏ. Số mã giảm điểm (23) áp đảo hoàn toàn so với số mã tăng điểm (6) và 1 mã đứng tham chiếu. VIC và VHM trở thành hai trụ tác động tiêu cực nhất tới đà giảm của VN30-Index với mức ảnh hưởng lần lượt là -4,69 điểm và -4,1 điểm.
- Chốt phiên, chỉ số VN30 giảm 27,66 điểm (-2,6%) xuống 1.037,42 điểm. Khối lượng giao dịch đạt 288,41 triệu cổ phiếu, tương ứng giá trị 7.627 tỷ đồng.
- Khối ngoại mua ròng phiên thứ 26 liên tiếp với 341,46 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như DGC (+66 tỷ đồng), SHB (+40 tỷ đồng), FRT (+35 tỷ đồng), MSN (+30 tỷ đồng), STB (+28 tỷ đồng).

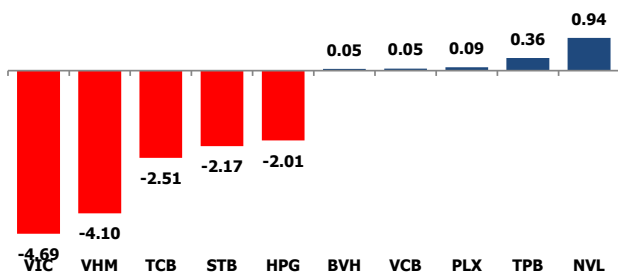
TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

- Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VIC, VHM và TCB là những nguyên nhân chính đẩy chỉ số VN30 quay lại đà giảm điểm. Trong đó, VIC gây ảnh hưởng -4,69 điểm tới chỉ số VN30.

CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VIC

Phân tích kỹ thuật VIC



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

| Cổ phiếu | Ngành | Giá | % Chg | H-L | GTGD | Điểm tác động | PE | PB |
|----------|---|---------|-------|--------|---------|---------------|--------|------|
| VPB | Banks | 16,650 | -1.48 | 4.80% | 396.224 | -1.14 | 5.56 | 1.18 |
| FPT | Electronic Equipment, Instruments & Components | 77,000 | -1.28 | 2.36% | 93.842 | -0.98 | 16.03 | 4.25 |
| VNM | Food Products | 78,500 | -1.88 | 4.46% | 248.809 | -1.31 | 20.78 | 5.27 |
| ACB | Banks | 22,500 | -2.39 | 3.56% | 72.887 | -1.65 | 5.74 | 1.36 |
| MSN | Food Products | 97,000 | 0.00 | 4.17% | 88.483 | 0.00 | 14.38 | 5.38 |
| TCB | Banks | 27,200 | -3.72 | 4.96% | 173.387 | -2.51 | 4.50 | 0.88 |
| VIC | Real Estate Management & Development | 63,100 | -6.93 | 7.77% | 187.792 | -4.69 | 217.70 | 2.12 |
| HPG | Metals & Mining | 18,600 | -3.13 | 5.11% | 684.278 | -2.01 | 6.99 | 1.10 |
| VHM | Real Estate Management & Development | 50,500 | -6.65 | 7.33% | 201.932 | -4.10 | 6.99 | 1.62 |
| MWG | Specialty Retail | 45,900 | -0.65 | 5.11% | 161.252 | -0.34 | 13.10 | 2.88 |
| MBB | Banks | 17,700 | -2.75 | 4.25% | 225.9 | -1.30 | 4.57 | 1.11 |
| VCB | Banks | 77,400 | 0.13 | 4.01% | 166.543 | 0.05 | 13.86 | 2.86 |
| STB | Banks | 21,300 | -4.91 | 6.10% | 459.045 | -2.17 | 9.68 | 1.09 |
| VJC | Airlines | 111,400 | -0.09 | 3.10% | 52.002 | -0.03 | 975.71 | 3.45 |
| HDB | Banks | 16,200 | -3.57 | 5.86% | 63.981 | -1.11 | 5.39 | 1.16 |
| VRE | Real Estate Management & Development | 27,050 | -6.40 | 10.72% | 91.062 | -1.76 | 29.76 | 1.89 |
| VIB | #N/A | 20,350 | -2.86 | 4.93% | 97.157 | #N/A | 5.11 | 1.41 |
| SSI | Capital Markets | 19,150 | -5.43 | 8.64% | 530.732 | -1.20 | 8.50 | 1.30 |
| TPB | Banks | 22,900 | 1.78 | 4.04% | 331.247 | 0.36 | 5.98 | 1.18 |
| CTG | Banks | 27,450 | -2.14 | 2.73% | 107.007 | -0.45 | 8.48 | 1.25 |
| NVL | Real Estate Management & Development | 17,800 | 6.91 | 0.00% | 124.402 | 0.94 | 12.15 | 0.93 |
| KDH | Real Estate Management & Development | 27,950 | -6.99 | 7.33% | 106.205 | -1.02 | 15.65 | 1.75 |
| SAB | Food Products | 178,300 | 0.17 | 1.07% | 42.172 | 0.02 | 21.16 | 4.69 |
| GAS | Gas Utilities | 105,000 | -0.94 | 3.24% | 37.398 | -0.10 | 15.07 | 3.55 |
| BID | Banks | 38,100 | -2.81 | 4.72% | 77.296 | -0.23 | 11.90 | 2.00 |
| POW | Independent Power and Renewable Electricity Producers | 11,150 | -0.45 | 3.59% | 108.416 | -0.02 | 22.36 | 0.88 |
| PDR | Capital Markets | 15,500 | -6.06 | 11.94% | 275.856 | -0.28 | 4.79 | 1.24 |
| PLX | Oil, Gas & Consumable Fuels | 31,100 | 2.30 | 3.62% | 26.768 | 0.09 | 42.16 | 1.70 |
| BVH | Beverages | 48,500 | 1.25 | 2.83% | 36.874 | 0.05 | 20.56 | 1.62 |
| GVR | Real Estate Management & Development | 14,800 | -1.66 | 6.42% | 39.829 | -0.04 | 13.93 | 1.17 |

| STT | Thông tin cơ bản HĐTL VN30 | |
|-----|---|---|
| 1 | Mã hợp đồng | VN30F-yy-mm |
| 2 | Tài sản cơ sở | Chỉ số cổ phiếu VN30 |
| 3 | Hệ số nhân hợp đồng | 100.000 đồng |
| 4 | Quy mô 01 hợp đồng | 100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30 |
| 5 | Tháng đáo hạn | - Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất |
| 6 | Phương thức giao dịch | - Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận |
| 7 | GD Khớp lệnh định kỳ | - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45 |
| | Thời gian giao dịch GD khớp lệnh liên tục | - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30 |
| | GD Thỏa thuận | - 08h45 - 14h45 |
| 8 | Các loại lệnh giao dịch | LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC. |
| 9 | Nguyên tắc khớp lệnh | Ưu tiên giá và thời gian. |
| 10 | Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh | 01 hợp đồng |
| 11 | Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh | 500 hợp đồng |
| 12 | Đơn vị yết giá/ Bước giá | 0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng |
| 13 | Biên độ dao động | +/- 7% |
| 14 | Ngày giao dịch cuối cùng | Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước. |
| 15 | Ngày thanh toán cuối cùng | Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng. |
| 16 | Phương thức thanh toán | Thanh toán bằng tiền |
| 17 | Giá thanh toán hàng ngày | Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng. |
| 18 | Giá thanh toán cuối cùng | Giá đóng của của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL. |
| 19 | Giá tham chiếu | Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước. |
| 20 | Mở tài khoản | Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS. |
| 21 | Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK | NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng |
| 22 | Mức ký quỹ ban đầu | Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn. |
| 23 | Mức ký quỹ duy trì | Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu. |
| 24 | Ký quỹ bổ sung | Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch. |
| 25 | Thoát khỏi hợp đồng tham gia | Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó. |

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.